



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Tầng 2, Số 24 Mạc Thái Tông, P.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (84-24) 3555 1838 Fax: (84-24) 3555 1837 www.vfa.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí & Đầu tư Xây dựng Số 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tự Nguyễn

Ông Nguyễn Văn Vinh

Ông Nguyễn Thu Uyên

Ông Đỗ Phước Lộc

Ông Nguyễn Tự Thị

Chức vụ

Chủ tịch HĐQT

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thu Uyên

Ông Nguyễn Văn Vinh

Ông Đỗ Phước Lộc

Ông Nguyễn Tự Thị

Ông Lưu Minh Tấn

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đình Nghĩa

Kế toán trưởng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 được Công ty TNHH Kiểm toán VFA kiểm toán.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày được trình bày trong Báo cáo tài chính kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc điều hành khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện nào khác phát sinh trong giai đoạn và sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính này Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thu Uyên

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Trụ Sở: Tầng 2, Số 24 Mạc Thái Tông, P.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

VPGD: Tầng 6, Số 6 lô 2 C4, phố Đình Núp, P.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Tel: (84-24) 3555 1838

Fax: (84-24) 3555 1837

www.vfa.com.vn

Số: 12/2025/VFA - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 19 tháng 05 năm 2025, từ trang 06 đến trang 29 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên khác và Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 503/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 08/5/2024.



Đoàn Thị An

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán
số 1363-2023-154-1



Đỗ Quốc Bảo

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐK hành nghề kiểm toán
Số 1373-2023-154-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VFA

Hà Nội, ngày 19 tháng 05 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Mẫu số B01-DN	
			Đơn vị tính: VND	
			Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100*		518.548.221.742	478.828.104.651
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	670.463.158	102.949.340
Tiền	111		570.463.158	102.949.340
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	100.000.000	200.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		100.000.000	200.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		209.777.028.967	161.075.397.545
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	111.773.170.397	99.441.929.735
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	68.430.214.550	33.388.607.387
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	36.543.301.491	35.988.800.594
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(7.292.682.711)	(8.066.965.411)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		323.025.240	323.025.240
Hàng tồn kho	140	11	300.492.015.558	313.819.130.696
Hàng tồn kho	141		300.492.015.558	313.819.130.696
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.508.714.059	3.630.627.070
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	-	73.808.536
Thuế GTGT được khấu trừ	152		551.865.257	2.639.377.341
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		6.956.848.802	917.441.193
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.670.192.776	10.792.122.343
Các khoản phải thu dài hạn	210		775.856.363	775.856.363
Phải thu dài hạn khác	216	9	775.856.363	775.856.363
Tài sản cố định	220		1.570.820.657	2.752.084.435
Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.570.820.657	2.752.084.435
- Nguyên giá	222		28.030.270.538	28.278.239.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.459.449.881)	(25.526.155.503)
Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		96.970.000	96.970.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(96.970.000)	(96.970.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	6.690.118.533
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	-	6.690.118.533
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	240.000.000	240.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		240.000.000	240.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		83.515.756	334.063.012
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	83.515.756	334.063.012
TỔNG TÀI SẢN	270		521.218.414.518	489.620.226.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
NỢ PHẢI TRẢ	300		488.140.067.352	432.774.284.687
Nợ ngắn hạn	310		488.140.067.352	432.774.284.687
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	104.792.079.998	133.464.028.994
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	27.414.695.317	50.257.004.508
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.275.524.162	3.311.053.619
Phải trả người lao động	314		8.903.081.448	9.849.473.533
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	46.094.216.998	35.449.838.184
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	299.172.249.109	199.954.665.529
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		488.220.320	488.220.320
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		33.078.347.166	56.845.942.307
Vốn chủ sở hữu	410	21	33.078.347.166	56.845.942.307
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.632.221.000	2.632.221.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.345.057.245	8.345.057.245
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(22.898.931.079)	868.664.062
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		868.664.062	836.551.172
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(23.767.595.141)	32.112.890
TỔNG NGUỒN VỐN	440		521.218.414.518	489.620.226.994

Nguyễn Đình Nghĩa
Người lập biểu

Nguyễn Đình Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Uyên
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	136.024.489.320	216.714.672.898
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.024.489.320	216.714.672.898
Giá vốn hàng bán	11	23	132.159.764.449	190.150.439.682
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch	20		3.864.724.871	26.564.233.216
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.991.804	996.263.924
Chi phí tài chính	22	25	13.517.554.254	16.929.075.714
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.517.554.254	16.929.075.714
Chi phí bán hàng	25	26	705.716.596	2.209.000
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	6.879.634.053	12.149.138.506
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(17.231.188.228)	(1.519.926.080)
Thu nhập khác	31	27	1.211.260.780	1.773.349.820
Chi phí khác	32	28	7.747.667.693	182.917.951
Lợi nhuận khác	40		(6.536.406.913)	1.590.431.869
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.767.595.141)	70.505.789
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	38.392.899
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.767.595.141)	32.112.890



Nguyễn Đình Nghĩa
Người lập biểu

Nguyễn Đình Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Uyên
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	*			
Lợi nhuận trước thuế	01		(23.767.595.141)	70.505.789
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		933.294.378	1.803.506.070
Các khoản dự phòng	03		(774.282.700)	-
Lãi/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	33.040.754
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.991.804)	(106.949.242)
Chi phí lãi vay	06		13.517.554.254	16.929.075.714
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(10.098.021.013)	18.729.179.085
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(51.879.244.247)	20.806.468.680
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.327.115.138	(32.970.487.615)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(27.805.729.433)	9.140.445.851
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		324.355.792	183.690.543
Tiền lãi vay đã trả	14		(13.517.554.254)	(17.419.042.550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9.355.952.949)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	(1.237.648.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(99.005.030.966)	(2.767.394.902)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(7.263.118.533)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		247.969.400	1.630.692.030
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	2.600.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		100.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.991.804	106.949.242
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		354.961.204	(2.925.477.261)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		186.758.762.345	217.410.808.783
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(87.541.178.765)	(217.435.342.289)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		99.217.583.580	(24.533.506)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B03-DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	MS	TM	Năm 2024	Năm 2023
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		567.513.818	(5.717.405.669)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	102.949.340	5.820.355.009
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	670.463.158	102.949.340



Nguyễn Đình Nghĩa
Người lập biểu

Nguyễn Đình Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Uyên
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Cơ khí & Đầu tư Xây dựng Số 9 (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100106553-007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP.HCM cấp 21/02/2006, chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi thứ 7 ngày 25/06/2020.

Vốn theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 45.000.000.000 VND. Vốn góp của các Cổ đông đến ngày 31/12/2024 là 45.000.000.000 VND. Các bên đã góp đủ vốn pháp định theo quy định tại Giấy phép đầu tư.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 54 người (tại ngày 31/12/2023 là 91 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí & Đầu tư Xây dựng Số 9 được lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt nam yêu cầu Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.2 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá mà theo đó hàng tồn kho có thể bán được trong chu kỳ kinh doanh bình thường trừ đi số ước tính về chi phí để hoàn thành và chi phí bán hàng.

Hàng tồn kho kế toán chi tiết theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn của hàng hoá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Khi cần thiết dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.6 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Máy móc thiết bị	05 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 06
Phương tiện vận tải	07

3.7 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 10 năm.

3.8 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước dài hạn năm 2024 bao gồm các khoản chi phân bổ công cụ dụng cụ.

3.9 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

3.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.11 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá hối đoái.

Tất cả các khoản chi phí được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được qui đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày nhận các khoản vốn này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

3.13 Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng có giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ và thanh toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng giao dịch tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

3.14 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách

Thuế Giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được hạch toán theo phương pháp khấu trừ: thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ kế toán.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****3.15 Bên liên quan**

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Một bên có khả năng kiểm soát đối với Công ty khi nắm giữ vai trò đáng kể trong quyền biểu quyết và quyền quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó các bên liên quan của Công ty bao gồm: các nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết của nhà đầu tư, thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.844.229	68.754.511
Tiền gửi ngân hàng	560.618.929	34.194.829
Các khoản tương đương tiền (*)	100.000.000	-
Cộng	670.463.158	102.949.340

(*) Các khoản tương đương tiền có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần và Phát triển Việt Nam với kỳ hạn 01 tháng, lãi suất từ 4,3%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	100.000.000	200.000.000
Cộng	100.000.000	200.000.000

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần và Phát triển Việt Nam với kỳ hạn 03 tháng, lãi suất từ 4,8%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9
Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1,
TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024
Mẫu số B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	240.000.000	-	-	240.000.000	-	-
Công ty TNHH Thiết kế và Tư vấn	240.000.000	-	-	240.000.000	-	-
Xây dựng Tâm Nhìn						
Cộng	240.000.000	-	-	240.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
CTCP GREEN MARK CONSTRUCTION	18.150.654.048	19.759.700.510
CTCP Huỳnh Gia Huy	12.408.133.492	19.473.572.392
Công ty TNHH DELTA - VALLEY Bình Thuận	14.113.217.051	26.153.718.154
Công ty TNHH Hoa Lâm - Shangri-la 6	34.279.032.187	-
Các đối tượng khác	32.822.133.619	34.054.938.679
Cộng	111.773.170.397	99.441.929.735

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ Thuần Phong	5.778.155.464	7.008.424.833
CTCP NovaReal	10.530.501.103	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Khánh Hưng	8.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hưng Phát	15.855.533.100	-
Công ty TNHH Thiết kế - Xây Dựng - Trang trí nội thất Thiên Phúc	9.782.230.653	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Phúc Gia An	7.525.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	10.958.794.230	26.380.182.554
Cộng	68.430.214.550	33.388.607.387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

9. PHẢI THU KHÁC

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	36.543.301.491	-	35.988.800.594	-
- Phí quản lý	6.500.242.285	-	6.500.242.285	-
- Vốn vay các đối	7.804.632.537	-	7.804.632.537	-
- Tạm ứng	10.365.679.124	-	8.343.397.411	-
- Phải thu khác	11.872.747.545	-	13.340.528.361	-
Dài hạn	775.856.363	-	775.856.363	-
- Ký cược, ký quỹ	775.856.363	-	775.856.363	-
Cộng	37.319.157.854	-	36.764.656.957	-

10. NỢ XẤU

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Xây dựng Hồng Bảo	1.980.413.798	1.980.413.798
CTCP Ba Cây Chổi	1.306.100.000	1.306.100.000
CTCP Hornbill	516.000.000	516.000.000
Công ty TNHH BĐS Guocoland Bình Dương	1.508.511.980	1.508.511.980
Sở y tế thành phố Cần Thơ	1.377.055.668	1.377.055.668
Các đối tượng khác	604.601.265	1.378.883.965
Cộng	7.292.682.711	8.066.965.411

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	432.488.557	-	559.126.291	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	300.059.527.001	-	313.260.004.405	-
Cộng	300.492.015.558	-	313.819.130.696	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn	-	73.808.536
- Chi phí thuê chuyên gia	-	73.808.536
Dài hạn	83.515.756	334.063.012
- Công cụ, dụng cụ phân bổ dài hạn	83.515.756	334.063.012
Cộng	83.515.756	407.871.548

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

Mẫu số B09-DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2024	24.409.246.204	2.948.504.934	920.488.800	28.278.239.938
- Thanh lý	-	-	(247.969.400)	(247.969.400)
Tại ngày 31/12/2024	24.409.246.204	2.948.504.934	672.519.400	28.030.270.538
HAO MÔN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2024	23.035.487.525	2.184.429.178	306.238.800	25.526.155.503
- Khấu hao trong năm	975.244.838	191.018.940	15.000.000	1.181.263.778
- Thanh lý	-	-	(247.969.400)	(247.969.400)
Tại ngày 31/12/2024	24.010.732.363	2.375.448.118	73.269.400	26.459.449.881
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2024	1.373.758.679	764.075.756	614.250.000	2.752.084.435
Tại ngày 31/12/2024	398.513.841	573.056.816	599.250.000	1.570.820.657

Nguyên giá Tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 243.540.000 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là: 243.540.000 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2024	96.970.000	96.970.000
- Mua trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	96.970.000	96.970.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN		
Tại ngày 01/01/2024	96.970.000	96.970.000
- Khấu hao trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2024	96.970.000	96.970.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2024	-	-
Tại ngày 31/12/2024	-	-

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	6.690.118.533	6.690.118.533
Mua sắm tài sản	-	-	6.690.118.533	6.690.118.533
Cộng	-	-	6.690.118.533	6.690.118.533

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả	Giá trị	Số có khả
	VND	năng trả nợ VND	VND	năng trả nợ VND
CTCP Tà Zon	6.638.904.544	6.638.904.544	6.638.904.544	6.638.904.544
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Trí Văn	-	-	12.248.817.541	12.248.817.541
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Phước	3.954.137.947	3.954.137.947	5.321.458.206	5.321.458.206
CTCP Thiết bị Xây dựng Vina	5.725.455.651	5.725.455.651	5.667.783.651	5.667.783.651
Công ty TNHH Thương mại Thu Hương	4.230.363.664	4.230.363.664	5.330.363.664	5.330.363.664
Công ty TNHH VSL Việt Nam	3.622.417.325	3.622.417.325	4.045.962.024	4.045.962.024
Công ty TNHH Xây dựng Thép Bình Nguyên	3.442.861.255	3.442.861.255	3.592.861.255	3.592.861.255
Công ty TNHH Thi công Xây dựng HD	3.450.334.997	3.450.334.997	3.536.684.595	3.536.684.595
Các nhà cung cấp khác	73.727.604.615	73.727.604.615	87.081.193.514	87.081.193.514
Cộng	104.792.079.998	104.792.079.998	133.464.028.994	133.464.028.994

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
CTCP Hòn Tằm Biển Nha Trang	2.351.279.959	2.351.279.959
CTCP Phát triển Bất động sản FILMORE	-	4.440.109.701
CTCP Landco	22.497.083.812	22.497.083.812
Công ty TNHH Hoa lâm - Shangri-la 6	-	14.649.695.312
Dương Nhất Nguyên	1.792.688.878	6.000.000.000
Các đối tượng khác	773.642.668	318.835.724
Cộng	27.414.695.317	50.257.004.508

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1,
TP.HCM, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 31/12/2024 VND
Thuế và các khoản phải nộp	3.311.053.619	3.974.106.053	6.009.635.510	1.275.524.162
Thuế giá trị gia tăng phải	1.964.897.208	298.508.527	2.263.405.735	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.346.156.411	40.035.000	110.667.249	1.275.524.162
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.635.562.526	3.635.562.526	-
Cộng	3.311.053.619	3.974.106.053	6.009.635.510	1.275.524.162

19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Kinh phí công đoàn	1.684.087.758	1.598.695.742
Bảo hiểm y tế	54.717.912	-
Bảo hiểm thất nghiệp	41.195.108	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Phải trả phải nộp khác, trong đó:	44.294.216.220	33.831.142.442
Các khoản thu hộ (dư có TK 138)	4.798.174.269	4.798.174.269
Các khoản phải trả khác	39.496.041.951	29.032.968.173
Cộng	46.094.216.998	35.449.838.184

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

20. VAY NGẮN HẠN

	Tại ngày 01/01/2024 (VND)		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	199.954.665.529	199.954.665.529	186.758.762.345	87.541.178.765	299.172.249.109	299.172.249.109
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	199.954.665.529	199.954.665.529	86.596.888.651	87.541.178.765	199.010.375.415	199.010.375.415
Ngân hàng VietBank - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (2)	-	-	100.161.873.694	-	100.161.873.694	100.161.873.694
Cộng	199.954.665.529	199.954.665.529	186.758.762.345	87.541.178.765	299.172.249.109	299.172.249.109

- (1) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2024/94899/HĐTD ngày 26/07/2024.
- Hạn mức cho vay, bảo lãnh thanh toán và mở L/C là 200.000.000.000 VND; Hạn mức bảo lãnh khác 200.000.000.000 VND.
 - Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Thời hạn: 12 tháng.
 - Biện pháp bảo đảm: thực hiện theo mục 3 hợp đồng này.
- (2) Khoản vay Ngân hàng VietBank – Chi nhánh Bắc Sài Gòn được thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số CBSG.DN.01300524 ngày 03/06/2024
- Số tiền vay: 379.538.000.000 đồng;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh.
 - Thời hạn vay: 28 tháng.
 - Biện pháp bảo đảm: khoản phải thu phát sinh từ Thỏa thuận hợp đồng số 09/2024/HĐTC/HOALAM-COMA ngày 15/03/2024 giữa Công ty và Công ty TNHH Hoa Lâm – Shangri-La 6.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**21.1 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	45.000.000.000	45.000.000.000
Cộng	45.000.000.000	45.000.000.000

21.2 Chi tiết biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023	45.000.000.000	2.632.221.000	8.261.467.526	1.020.466.553	56.914.155.079
- Tăng khác	-	-	83.589.719	-	83.589.719
- Lãi trong năm trước	-	-	-	32.112.890	32.112.890
- Giảm khác	-	-	-	183.915.381	183.915.381
Tại ngày 31/12/2023	45.000.000.000	2.632.221.000	8.345.057.245	868.664.062	56.845.942.307
Tại ngày 01/01/2024	45.000.000.000	2.632.221.000	8.345.057.245	868.664.062	56.845.942.307
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	(23.767.595.141)	(23.767.595.141)
Tại ngày 31/12/2024	45.000.000.000	2.632.221.000	8.345.057.245	(22.898.931.079)	33.078.347.166

22. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	136.024.489.320	216.714.672.898
Cộng	136.024.489.320	216.714.672.898

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm	132.159.764.449	190.150.439.682
Cộng	132.159.764.449	190.150.439.682

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	6.991.804	106.949.242
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	889.314.682
Cộng	6.991.804	996.263.924

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc

ngày 31/12/2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	13.517.554.254	16.929.075.714
Cộng	13.517.554.254	16.929.075.714

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	705.716.596	2.209.000
+ Chi phí bảo hành công trình	705.716.596	2.209.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.879.634.053	12.149.138.506
+ Chi phí nhân viên quản lý	4.743.436.265	8.925.158.206
+ Chi phí vật liệu quản lý	242.005.420	347.603.246
+ Chi phí đồ dùng văn phòng	29.468.456	17.411.095
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	343.897.358	287.966.853
+ Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	1.000.000
+ Chi phí dự phòng	(774.282.700)	33.040.754
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.471.141.912	1.569.333.626
+ Chi phí bằng tiền khác	822.967.342	967.624.726
Cộng	7.585.350.649	12.151.347.506

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC và các vật tư khác	1.211.260.780	1.630.692.030
Thu nhập khác	-	142.657.790
Cộng	1.211.260.780	1.773.349.820

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế phát sinh	4.025.867.526	-
Các khoản bị phạt thuế	3.634.562.526	88.417.950
Chi phí khác	87.237.641	94.500.001
Cộng	7.747.667.693	182.917.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Mẫu số B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(23.767.595.141)	70.505.789
Các khoản điều chỉnh tăng	-	121.458.705
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(23.767.595.141)	191.964.494
Thu nhập tính thuế chịu thuế suất 20%	-	38.392.899
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	38.392.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	38.392.899

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	543.021.128.758	198.070.460.963
Chi phí nhân công	19.575.583.626	12.996.690.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.482.214.064	22.485.828.886
Chi phí thuê chuyên gia	8.772.173.147	8.507.472.098
Chi phí sửa chữa lớn	32.803.176.122	5.469.426.191
Chi phí khác	76.446.472.087	25.136.906.389
Cộng	703.100.747.804	272.666.784.977

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ & ĐẦU TƯ XÂY DỰNG SỐ 9

Địa chỉ: Số 06-08 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu số B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	670.463.158	102.949.340
Phải thu khách hàng và Phải thu khác	141.799.645.540	128.139.621.281
Cộng	142.470.108.698	128.242.570.621
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính	299.172.249.109	199.954.665.529
Phải trả người bán và phải trả khác	150.886.296.996	168.913.867.178
Cộng	450.058.546.105	368.868.532.707
Trạng thái ròng	(307.588.437.407)	(240.625.962.086)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Vay và nợ thuê tài chính	299.172.249.109	-	299.172.249.109
Phải trả người bán và phải trả khác	150.886.296.996	-	150.886.296.996
Cộng	450.058.546.105	-	450.058.546.105
Tại ngày 01/01/2024			
Vay và nợ thuê tài chính	199.954.665.529	-	199.954.665.529
Phải trả người bán và phải trả khác	168.913.867.178	-	168.913.867.178
Cộng	368.868.532.707	-	368.868.532.707

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu số B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	670.463.158	-	670.463.158
Phải thu khách hàng và Phải thu khác	141.023.789.177	775.856.363	141.799.645.540
Cộng	141.694.252.335	775.856.363	142.470.108.698
Tại ngày 01/01/2024			
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.949.340	-	102.949.340
Phải thu khách hàng và Phải thu khác	127.363.764.918	775.856.363	128.139.621.281
Cộng	127.466.714.258	775.856.363	128.242.570.621

31. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lương và thu nhập khác	1.274.511.120	2.741.571.280

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Nguyễn Đình Nghĩa
Người lập biểu

Nguyễn Đình Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Uyên
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2025